TỜ KHAI HÀNH LÝ CỦA TRẺ EM ĐI MỘT MÌNH

***お子様の一人旅の手荷物申告書***

Tôi tên là *(氏名):* ......................................................................................................................................

Giới tính *(性別):* ................................ Ngày sinh *(生年月日):* ...............................................................

Số CCCD/CMND/Hộ chiếu *(*IDカード/身分証明書/パスポート*):* ......................................................

Địa chỉ liên hệ *(ご連絡先):* .....................................................................................................................

Số điện thoại *(電話番号) :* .......................................................................................................................

Là người giám hộ của khách trẻ em đi một mình có tên

*(お子様の名前):* .....................................................................................................................................

Quan hệ với khách là trẻ em đi một mình *(お子様との関係) :*

.................................................................................................................................................................. Số hiệu chuyến bay *(便名):* ...............................Ngày bay *(出発日):* ...................................

Hành trình *(路線) :* ..................................................................................................................................

Số thẻ hành lý *(手荷物合符番号)*:........................................................................................................

Với tư cách là người giám hộ, tôi nắm rõ và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung bên trong hành lý của khách (*私は、保護者として、子供の一人旅の手荷物の内容について下記のことを明確に理解し、責任を負うことを約束します*。 …………………………………….)*.* Khách không mang đồ dùng, hành lý hộ người khác và bên trong hành lý không bao gồm các vật dụng/hàng hóa nguy hiểm hoặc không được phép vận chuyển theo quy định của Vietnam Airlines, pháp luật nhà nước Việt Nam và nước sở tại điểm đến *(さんは、他人の荷物を運びません。また、自分の手荷物には危険な物品/商品、またはベトナム航空の規定、ベトナムと到着国の法律に従って輸送が許可されていないものを含みません。)*

Nội dung bên trong hành lý bao gồm *(手荷物の内容は以下の通りです):*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thứ tự  *(順位)* | Tên đồ dùng, vật dụng (mô tả)  *内容品、品名（説明）* | Số lượng  *(個数)* | Ghi chú  *(備考)* |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đầy đủ và hoàn toàn đúng sự thật. Tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp phát sinh các vấn đề liên quan đến hành lý của khách *(上記の記載内容に相違ないことを確認し、手荷物のすべてを記載することを誓約します。子供の手荷物に関する 問題が発生した場合、私は法律に基づいて全責任を負います。)…………………………………*

Vietnam Airlines có quyền từ chối vận chuyển nếu phát hiện các nội dung trên không đúng sự thật

*(上記の内容に虚偽が判明した場合、ベトナム航空は運送を拒否する権利を有します。)*.

**Người kê khai Đại diện Vietnam Airlines**

**(**記入者のご著名**) (**ベトナム航空の代表者**)**